

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH NHAI
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2019/HSST
Ngày 25/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Cầm Ngọc Thương

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mè Văn Ơn.

2. Ông Điều Chính Tín.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai tham gia phiên toà:*
Ông Nguyễn Tiến Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/HS-ST ngày 06/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/HSST-QĐ, ngày 12.6.2019 đối với bị cáo sau:

Họ và tên: Nguyễn Văn Q. Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1987. Nguyên quán: phố R, phường B, quận H - thành phố H. Nơi cư trú: số nhà y, tổ dân phố R, phường B, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lái xe; Tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Hiện cả hai điều trú tại tổ dân phố R, phường B, quận H, thành phố H.

Bị cáo có vợ là Đinh Thị N, sinh năm 1991 (đã ly thân), có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam, tạm giữ kể từ ngày 04.3.2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 4.3.2019 Nguyễn Văn Q đi xe ô tô cùng Nguyễn Văn D từ thành phố H lên huyện Q tỉnh Sơn La chở hàng. Khi đến ngã ba C huyện T, Nguyễn Văn Q nói với D cho xuống xe đi mua đồ dùng cá nhân, còn D tiếp tục điều khiển xe ô tô vào trung tâm huyện Q. Khi xuống xe, Q bắt xe ôm đi đến bản T xã T, huyện T tìm mua ma túy về sử dụng. Đến bản T, Q gặp và hỏi mua của 1 người phụ nữ dân tộc Thái khoảng 35 tuổi không biết tên, địa chỉ 01 gói heroin được gói bằng nilon màu trắng với giá 300.000 đồng. Q trích ra một ít để sử dụng, số ma túy còn lại Q gói lại rất vào cặp quần rồi đi bộ ra ngoài bắt xe buýt vào huyện Q. Khi đến địa phận xóm 8 xã M, huyện Q thì bị tổ công tác công an huyện Q kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Ngày 05.3.2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q phối hợp với Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành bóc mở niêm phong, cân tịnh xác định trọng lượng, trích rút làm mẫu giám định số bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Q có tổng trọng lượng 0,32gam. Trích rút toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu A1.

Tại kết luận số:540 /KLMT ngày 06.3 .2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu A1 là ma túy, loại heroin tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,32gam. Không hoàn lại mẫu giám định.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 05/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như nội dung đã khai tại Cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa, sau khi trình bày lời luận tội đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại FPT màu đen được niêm phong trong phong bì thư.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì còn nguyên niêm phong bên ngoài ghi; Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Văn Q gồm: 01 mảnh nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Q, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt*: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận vào ngày 4.3.2019 bị cáo đã mua được 01 gói hêrôin sau khi sử dụng có tổng trọng lượng là 0,32gam hêrôin với giá 300.000 đồng của một người phụ nữ không quen biết tại bản T, xã T, huyện T để sử dụng, sau khi bị cáo mua được hê rô in bị cáo đi về huyện Q thì bị công an huyện kiểm tra hành chính, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ bắt chứng. Bị cáo khẳng định số ma túy này bị cáo tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Như vậy, với việc tàng trữ tổng trọng lượng 0,32 gam hêrôin với mục đích để sử dụng thì có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản này của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm*: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, dân sự. Nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng do thiếu rèn luyện, tu dưỡng, bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông buôn bán ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì lẽ đó khi lượng hình cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy*: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2012 bị cáo đã bị xử phạt hành chính. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như xét xử bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự giác giao nộp gói ma túy cho Công an; Ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng. Do vậy Hội đồng xét xử cần được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Từ sự phân tích trên, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù giam với

mức phạt nghiêm khắc, đủ để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, từ đó có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét thấy: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về vật chứng, xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bắt quả tang bị cáo những vật chứng, áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại FPT màu đen được niêm phong trong phong bì thư.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì còn nguyên niêm phong bên ngoài ghi; Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Văn Q gồm: 01 mảnh nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở.

[7] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

[8] *Về các vấn đề khác*:

Đối với người đàn bà đã bán ma túy cho bị cáo tại bản T, xã T, xã T, do bị cáo không biết tên, địa chỉ của người này, việc mua ma túy không ai biết, do đó cơ quan không có cơ sở để mở rộng vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm r,s khoản 1,2 Điều 51, BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 12 (*Mười hai*) tháng tù giam, thời gian tù tính từ ngày 4.3.2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại FPT màu đen được niêm phong trong phong bì thư.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì còn nguyên niêm phong bên ngoài ghi; Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Văn Q gồm: 01 mảnh ni lon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại kho cho cục thị hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La).

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện
- Thị hành án
- Bị cáo;
- Công an
- THAHS
- Trại giam
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Cầm Ngọc Thương